TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH L□U** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/DS - ST

Ngày: 16 - 4 -2025

V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU – NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Thu và ông Hồ Hữu Thỏa

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu - Nghệ An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Thanh Huyền.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 126/2024/TLST - DS ngày 06/11/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2025/QĐXXST - DS ngày 31 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Tạ Quang T, sinh năm 1964; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn PT, xã TT, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1960; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Khối 3, thị trấn CG, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm 1968; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn PT, xã TT, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các biên bản lấy lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Tạ Quang T và người đại diện theo ủy quyền của ông T trình bày:

Bà M và ông T là hàng xóm láng giềng với nhau nên ngày 20 tháng 4 năm 2020 âm lịch, tức ngày 12 tháng 5 năm 2020 dương lịch, bà M có hỏi vay ông T tiền thì ông T đã cho bà Lê Thị M vay số tiền 110.000.000 đồng, tiền lãi cho vay là

01%/tháng và thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày vay (12/5/2020 DL) bà M phải trả cho ông T. Hai bên có lập giấy tờ vay, bà M cũng đã ký vào. Đến thời hạn trả nợ, ông T có đến hỏi tiền thì bà M nói chưa có tiền để trả. Từ đó đến nay, mặc dù ông T đã nhiều lần đến đòi tiền nhưng bà M không trả được tiền gốc cũng như lãi suất nào cả. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M phải trả nợ số tiền gốc 110.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày bà M không trả được nợ cho ông T là từ 12/6/2020 đến khi Tòa án xét xử là 58 tháng 4 ngày x 0,83%/tháng = 53.082.000 đồng; tổng cộng là 163.082.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải, bị đơn bà Lê Thị M trình bày: Ngày 12/5/2020, bà M có vay của ông T là 110.000.000 đồng, giấy vay do bà M ghi, thời hạn trả nợ không ghi, lãi suất cho vay bằng miệng là 1,3%/tháng. Sau khi vay thì bà đã trả cho ông T 25.000.000 đồng tiền gốc vì họ đã đòi trước để làm mái tôn, đã ghi vào sổ của ông T bà Lập, nên bà M không ghi vào sổ nữa nên không có giấy tờ gì để nộp cho Tòa án. Về lãi suất thì bà đã trả đều đặn đến tháng 04 năm 2024. Việc trả tiền lãi không có giấy tờ gì vì hàng tháng ông T đến nhà lấy. Đến thời gian tháng 04 năm 2024 thì do làm ăn kinh tế thua lỗ, ông T có đòi nợ nhưng bà không có để trả. Nay ông T yêu cầu bà trả tiền gốc là 110.000.000 đồng và tiền lãi thì ý kiến bà M là chỉ đồng ý trả 85.000.000 đồng tiền gốc nhưng trả dần vì hiện tại làm ăn chưa được và tiền lãi xin không trả vì bà M đã trả đầy đủ từ khi vay đến tháng 04 năm 2024.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến:

Về việc thuân theo pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ thời điểm thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bà Lê Thị M phải trả cho ông Tạ Quang T số tiền gốc 110.000.000 đồng và lãi suất 53.076.000 đồng; tổng cộng là 163.076.000 đồng; buộc bà Lê Thị M nộp án phí dân sự sơ thẩm là 8.154.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Tạ Quang T yêu cầu bà Lê Thị M trả nợ, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản; bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn PT, xã TT, huyện QL nên thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu theo khoản 3, Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt; Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Lê Thị M nhưng bà M vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

Xét giấy vay tiền ngày ngày 20 tháng 4 năm 2020 âm lịch, tức ngày 12 tháng 5 năm 2020 dương lịch, giữa ông T và bà M. Toàn bộ giấy vay do bà M trực tiếp viết và ký. Giấy vay tiền được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có nội dung phù hợp với quy định pháp luật, và không trái với đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử nhận định đây là hợp đồng hợp pháp, là căn cứ để giải quyết quyền và nghĩa vụ của các bên.

Theo giấy vay tiền và lời khai của nguyên đơn, bị đơn thì bà Lê Thị M có vay của ông Tạ Quang T số tiền gốc 110.000.000 đồng. Trong giấy vay không thể hiện lãi suất, nhưng nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất việc vay có lãi tuy nhiên không thống nhất được mức lãi cụ thể, đồng thời theo giấy vay cũng không ghi thời hạn trả nợ. Do đó xác định đây là hợp đồng vay tiền không có thời hạn và có lãi suất. Trước khi nộp đơn khởi kiện, ông T đã đòi nợ bà M nhiều lần nhưng bà M không trả được. Bà M cũng thống nhất ông T đã đòi nợ bà trước khi ông T khởi kiện. Bà M cho rằng đã trả cho ông T số tiền gốc 25.000.000 đồng và lãi suất đến tháng 4 năm 2024, nhưng bà M không đưa ra được các chứng cứ tài liệu chứng minh cho việc đã trả tiền của mình.

Do đó việc nguyên đơn yêu cầu bà Lê Thị M trả số nợ gốc 110.000.000 đồng và tiền lãi là 0,83 %/ tháng kể từ khi vay đến nay là có căn cứ. Vì vậy cần buộc bị đơn bà Lê Thị M phải trả cho nguyên đơn ông Tạ Quang T số tiền vay gốc là 110.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 12/6/2020 đến khi tòa án xét xử là 58 tháng 4 ngày x 0,83%/tháng = 53.076.000 đồng; tổng cộng là 163.076.000 đồng.

[4]. Về án phí: Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.154.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 280, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015; các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Quang T.

2.1. Buộc bà Lê Thị M phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Tạ Quang T tổng cộng 163.076.000 đồng, trong đó nợ gốc là 110.000.000 đồng và lãi suất là 53.076.000 đồng theo giấy vay nợ ngày 20 tháng 4 năm 2020 (âm lịch).

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

4. Về án phí:

- Bà Lê Thị M phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.154.000đ (Tám triệu một trăm năm mươi tư nghìn đồng).

- Nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo Điều 146, khoản 4 điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên không thuộc trường hợp hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn khác cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKS ND huyện Q.Lưu;
- THADS Quỳnh Lưu;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Hà